TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà;

Ông Nguyễn Văn Hinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng -Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995 (vắng mặt);

ĐKHKTT: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2024, bản tự khai ngày 21 tháng 5 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T gia trưởng, thiếu tôn T chị khi giải quyết công việc chung của vợ chồng, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ tháng 9/2023 chị và anh T đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống với anh T được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 06/02/2014 và cháu Lê Xuân Q, sinh ngày 20/4/2016. Hiện các cháu đang ở với anh T.

Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được nuôi cháu Q, giữa chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trường hợp các con có nguyện vọng ở với chị, chị xin được nuôi các con, hiện chị làm nghề tự do thu nhập trung bình mỗi tháng 15 triệu đồng nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nếu anh T có nguyện vọng nuôi 02 con chị không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024 chị L có đơn đề nghị: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn anh T. Về nuôi con chung: Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con không yêu cầu chị phải cấp dưỡng và các con cũng có nguyện vọng ở với bố. Chị cũng tôn T ý kiến và nguyện vọng của các con, đồng ý giao 2 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí với sự tự nguyện của anh T chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị sẽ có trách nhiệm với các con trong khả năng của mình và có quyền thăm mon con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2024, biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2024 bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị L tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường ở cùng với bố mẹ anh tại xã N, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, chị L bỏ về nhà đẻ quê N ở, mấy tháng sau chị L quay về xin lỗi anh và gia đình, nghĩ đến các con nên anh đồng ý để chị L sống cùng gia đình anh. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng vẫn không hòa hợp nên từ tháng 9/2023 chị L xin phép mẹ anh về nhà đẻ quê N ở, hiện chị L làm gì, ở đâu anh cũng không biết, đã lâu vợ chồng không liên lạc và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, nên nhất ý với yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chi L có 02 con chung, họ tên và năm sinh đúng như chị L trình bày, hiện các con đang ở cùng anh và ông bà nội, mọi chi phí học tập và sinh hoạt của các con anh là người chịu trách nhiệm, anh nghe nói cuối tuần chị L đến thăm con và đón các con về nhà ông bà ngoại chơi nhưng cháu Đ không đi chỉ có cháu Q đi cùng. Khi vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng. Vì hiện anh đang làm nghề tự do bán hàng ăn ở phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thu nhập hàng tháng từ 15 triệu đến 20 triệu đồng đủ điều kiện nuôi các con. Trường hợp phải giao mỗi người nuôi 01 con, thì anh tôn T nguyện vọng của các con, để con tự quyết định.

Về tài sản: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2024 cháu Lê Thành Đ và cháu Lê Xuân Q trình bày: Khi bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự;

những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 06/02/2014 và cháu Lê Xuân Q, sinh ngày 20/4/2016 cho anh Lê Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào 18/4/2013 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Từ tháng 9/2023 anh chị đã sống ly thân không đoàn tụ lại. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm T kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không Đ được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn T của chị Trần Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 06/02/2014 và cháu Lê Xuân Q, sinh ngày 20/4/2016, hiện đang ở với anh T.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh T đều có nguyện vọng nuôi các con, không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng. Tuy nhiên cháu Đ và cháu Q đều có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố. Chị L tôn T nguyện vọng của các con và sự tự nguyện của anh T nhất trí giao các con cho anh T nuôi dưỡng. Như vậy, ý kiến và sự tự nguyên của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là cháu Lê Thành Đ và cháu Lê Xuân Q cho anh Lê Văn T

trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Chị Trần Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 06/02/2014 và cháu Lê Xuân Q, sinh ngày 20/4/2016 cho anh Lê Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0005050, ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh